

Bản án số: 123/2020/DS-PT

Ngày: 25-5-2020

V/v: Tranh chấp về giấy ủy quyền cho tài
sản là nhà, đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp về giấy ủy quyền cho tài sản là nhà, đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 458/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị N.X; Địa chỉ cư trú: 2/16, khu phố T.L, phường D.A, thị xã D.A, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Th.H; Địa chỉ thường trú: tổ 2, khu phố 1, phường U.H, thị xã T.U, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ liên lạc: 069/A, tổ 3, khu phố 2, phường U.H, thị xã T.U, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 9686 quyền số 06/2017 -SCT/CK,CD ngày 27/10/2017 tại UBND phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị Th.T; Địa chỉ cư trú: 3/13 Cô Bắc, khu phố B.M, phường D.A, thị xã D.A, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Th.A; Quốc tịch: Pháp; Địa chỉ cư trú: 11, Rue Chabanaise, Thành phố Paris, Cộng hòa Pháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Th.A: Bà Trần Thị K.Ph; Địa chỉ cư trú: 30/21, khu phố Th.L, phường D.A, thị xã D.A, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2014, vắng mặt).

2/ Bà Võ Thị B.Y; Địa chỉ cư trú: 3164, Baton Rouge, LA 7801, USA (vắng mặt).

3/ Ông Võ Th.L; Địa chỉ cư trú: 214/10, ấp Ph.L, xã T.P.Th, huyện C.T, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

4/ Bà Võ Thị B.Ph (vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn V.T (có đơn xin vắng mặt).

6/ Ông Nguyễn A.Th (vắng mặt).

7/ Bà Phan B.N (có đơn xin vắng mặt).

8/ Cháu Nguyễn Phan B.N (vắng mặt).

9/ Cháu Nguyễn Phan H.M (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: 18 Cô Bắc, khu phố B.M, phường D.A, thị xã D.A, tỉnh Bình Dương.

10/ Bà Nguyễn Th.Tr; Quốc tịch: Việt Nam; Địa chỉ cư trú: Paris, Cộng Hoà Pháp (vắng mặt).

11/ Ông Võ A.T; Địa chỉ cư trú: Paris, Cộng Hoà Pháp (vắng mặt).

12/ Bà Võ Th.T; Địa chỉ cư trú: Hoa Kỳ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Tuấn và bà Tâm: Ông Võ Th.L; Địa chỉ cư trú: 214/10, ấp Ph.L, xã T.P.Th, huyện C.T, tỉnh Hậu Giang (văn bản ủy quyền ngày 06/10/2014, vắng mặt).

13/ Ông Võ V.Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Địa chỉ cư trú: 2164, Blank Road Boton Rouge LA, 70805, USA (vắng mặt).

14/ Bà Võ Thị Thanh Th (đã chết)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị Thanh Th:

14.1/ Ông Nguyễn N.C (chồng bà Th); Địa chỉ cư trú: 16B N.H, khu phố Chợ, phường L.T, thị xã T.A, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

14.2/ Ông Nguyễn Võ Ph.D (con bà Th); Địa chỉ cư trú: 1443 MC Micheal Dr Baton Rouge LA 70815, Hoa Kỳ (vắng mặt).

15/ Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ trụ sở: Khu trung tâm hành chính thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An: Ông Trương C.H; Chức vụ: phó Chi cục trưởng (văn bản ủy quyền ngày 26/02/2016, có đơn xin vắng mặt).

16/ Bà Nguyễn Thị Ng.Th; Địa chỉ cư trú: 5C/23, khu phố B.M, phường D.A, thị xã D.A, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Ông Ngô Nh; Địa chỉ cư trú: 14/9, Đường số 14, khu phố 2, phường H.B.C, quận T.Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2016, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ng.Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2014 và bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị N.X trình bày:

Về quan hệ nhân thân: Cha mẹ bà X là ông Võ V.L (sinh năm 1910, chết năm 1990) và bà Nguyễn Th.H (sinh năm 1918, chết năm 2003). Ông L và bà H có những người con sau: bà Võ Thị B.Y, ông Võ Th.L, bà Võ Thị B.Ph, ông Võ V.Đ, bà Võ Thị N.X; bà Võ Thị Thanh Th (đã chết) người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Thiệt là chồng ông Nguyễn N.C và con là ông Nguyễn Võ Ph.D. Ngoài ra bà H còn có một người con riêng là bà Nguyễn Th.A. Tổng cộng có 08 người, trong đó: có 07 con chung và một người con riêng cùng mẹ khác cha.

Tài sản tranh chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Đo đạc thực tế diện tích đất: 204,3m² gắn liền diện tích xây dựng nhà cấp 4: diện tích xây dựng 61m² do ông Loài và bà H xây dựng vào năm 1965. Nguồn gốc tài sản là do ông bà ngoại sử dụng trước năm 1965, khi đó trên đất là nhà tranh, vách đất. Sau năm 1965, cha mẹ bà X là ông Võ V.L và bà Nguyễn Th.H xây cất lại nhà để bà ngoại và các anh chị em trong gia đình sinh sống. Tài sản về nhà đất đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

Năm 1983 bà Nguyễn Th.A đi Pháp để tìm cha ruột của mình, nhà và đất do bà Nguyễn Thị H, bà Võ Thị Th.T và bà Võ Thị B.Ph quản lý sử dụng.

Năm 1980 bà Võ Thị Th.T có chồng và ở tại gia đình nhà chồng, chỉ còn gia đình ông Võ Th.L và gia đình bà Võ Thị B.Ph ở ngôi nhà này để chăm sóc cho mẹ bà Nguyễn Thị H.

Năm 2003, bà H chết không để lại di chúc, gia đình ông L đi làm ăn xa nên chỉ có gia đình bà Ph ở trên đất quản lý, thờ cúng ông bà, kê khai nộp thuế nhà đất.

Ngày 12/6/2013, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An mời anh chị em bà X đến làm việc về việc thực hiện Quyết định số 51/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi hành án. Tại Biên bản kê biên, xử lý tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An cho rằng tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là tài sản của cá nhân bà Võ Thị Th.T và sẽ bị cưỡng chế thi hành cho cá nhân bà

Võ Thị Th.T theo Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2012/DS-ST ngày 02/7/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An và Bản án dân sự phúc thẩm số 295/2012/DS-PT ngày 07/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bà X cho rằng đất có nguồn gốc từ đất của ông bà cha mẹ chết để lại chứ không phải là đất của cá nhân bà Nguyễn Th.A nên năm 1983 bà A đi Pháp có làm giấy ủy quyền cho bà T là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết các vấn đề sau: Hủy giấy ủy quyền ngày 31/01/1983 của bà Nguyễn Th.A cho bà Võ Thị Th.T và yêu cầu Tòa án trả diện tích đất: 204,3m² gắn liền diện tích xây dựng nhà 61m² do ông Loài và bà H xây dựng vào năm 1965 tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là tài sản chung chưa chia.

Bị đơn bà Võ Thị Th.T trình bày:

Trước năm 1965, nhà và đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương do cha mẹ là ông Võ V.L và bà Nguyễn Th.H xây cất để bà ngoại là bà Nguyễn Thị C ở cùng với chị bà T là bà Nguyễn Th.A và gia đình bà A. Năm 1971, bà Nguyễn Thị C (bà ngoại) mất, đến năm 1983 bà A xuất cảnh sang Pháp có lập một giấy ủy quyền cho bà T được trọn quyền sở hữu vĩnh viễn căn nhà 34/2 tọa lạc tại ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, Sông Bé với lý do bà A là chủ hộ khẩu trong gia đình, nhưng đến năm 2012 bà A mới gởi giấy ủy quyền về cho bà T hợp thức hóa sửa chữa lại nhà. Bà T cho rằng tài sản trên là tài sản chung của tất cả anh chị em chứ không phải tài sản của riêng bà. Vì vậy, bà T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hủy bỏ giấy ủy quyền ngày 31/01/1983 do bà Nguyễn Th.A lập và tài sản nhà đất trên thuộc quyền quản lý sử dụng và sở hữu của ông L và Bà H (chết) chưa phân chia cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các ông bà Bà Nguyễn Th.A có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị K.Ph, bà Võ Thị B.Ph, ông Nguyễn V.T, bà Phan B.N, ông Nguyễn N.C, ông Nguyễn A.Th, ông Võ A.T, bà Võ Th.T, ông Võ Th.L thống nhất trình bày:

Nhà và đất có nguồn gốc là đất của ông bà, cha mẹ để lại cho tất cả các anh chị em. Tài sản không phải là tài sản riêng của bà Nguyễn Th.A nên bà A không có quyền ủy quyền cho bà Võ Thị Th.T. Bà T không phải là chủ sở hữu riêng của các tài sản này nên việc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An kê biên tài sản và cưỡng chế thi hành án cho cá nhân bà Võ Thị Th.T là không đúng quy định của pháp luật. Cho nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên thống nhất yêu cầu hủy giấy ủy quyền của bà Nguyễn Th.A lập ngày 31/01/1983 như nguyên đơn trình bày.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, gồm các ông bà Võ Thị B.Y, Võ V.Đ, Nguyễn Th.Tr và Nguyễn Võ Ph.D đã được Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ lần hai cho cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ nhưng từ thời điểm đó cho đến ngày xét xử sơ thẩm các ông bà này không có ý kiến trả lời.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày:

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 981/QĐ-CCTHA ngày 11/01/2013 và Quyết định số 1308/QĐ-CCTHA ngày 22/02/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thì bà Võ Thị Th.T và ông Nguyễn T.Tr có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ng.Th số tiền 2.400.000.000 đồng tiền tranh chấp hợp đồng đặt cọc và 80.000.000 tiền án phí theo quyết định của Bản án số 43/2012/DS-ST ngày 02/7/2012 của TAND thị xã Dĩ An và Bản án phúc thẩm số 295/2012/DS-PT ngày 07/12/2012 của TAND tỉnh Bình Dương. Ông Tr, bà T không tự nguyện thi hành và tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ, qua xác minh được biết bà Võ Thị Th.T có nộp hồ sơ xin xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ủy ban nhân dân phường Dĩ An đã xác nhận nguồn gốc đất là do bà Nguyễn Th.A là chị của bà T cho bà T vào năm 1983. Việc bà T đồng ý trả lại cho anh, chị, em toàn bộ khối tài sản đang tranh chấp là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập với nguyên đơn, là bà Nguyễn Thị Ng.Th do ông Ngô Nh đại diện hợp pháp trình bày:

Đất và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương là tài sản do bà Nguyễn Th.A lập giấy ủy quyền cho bà Võ Thị Th.T vào ngày 31/01/1983 nên tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Th.T. Theo Bản án số 43/2012/DS-ST ngày 02/7/2012 của TAND thị xã Dĩ An và Bản án phúc thẩm số 295/2012/DS-PT ngày 07/12/2012 của TAND tỉnh Bình Dương thì ông Nguyễn T.Tr và bà Võ Thị Th.T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ng.Th số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Khi án có hiệu lực bà T, ông Tr không tự nguyện thi hành án. Trong quá trình thi hành án thì Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An đã xác định bà Võ Thị Th.T đang làm thủ tục hợp thức hóa căn nhà 3/13, đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An đã tiến hành thủ tục kê biên tài sản để đảm bảo việc thi hành án. Gia đình bà T cố tình kéo dài việc thi hành án bằng cách tạo tranh chấp và gửi đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Bình Dương.

Ông Ngô Nh yêu cầu Tòa án xử bác yêu cầu của bà Võ Thị N.X về việc tranh chấp yêu cầu hủy bỏ giấy ủy quyền ngày 31/01/1983 do bà Nguyễn Th.A lập cho bà Võ Thị Th.T nhà đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử như sau:

Căn cứ vào các Điều 215, 223, 425, 467, 468 và 637 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 37, 104, 105, 152, 195, 196, 201, 220, 232, 235, 264, 266 và 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ các khoản 2, 6 Điều 26 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N.X về việc “Tranh chấp về Giấy ủy quyền cho tài sản nhà, đất” đối với bị đơn bà Võ Thị Th.T.

Hủy Giấy ủy quyền do bà Nguyễn Th.A lập ngày 31/01/1983 cho bà Võ Thị Th.T được trọn quyền sở hữu căn nhà tọa lạc tại số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé; hiện nay số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng.Th yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị N.X.

3/ Tài sản chung diện tích đất 204,3m² gắn liền diện tích xây dựng nhà 61m² do ông L và bà H xây dựng vào năm 1965 tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) đường Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương chưa chia nếu có tranh chấp được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện của các đương sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng như ủy thác tư pháp, định giá, về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2017, bà Nguyễn Thị Ng.Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.X, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà. Lý do kháng cáo mà bà Th đưa ra là: Bà Th là người có quyền yêu cầu thi hành án, bà Võ Thị Th.T và ông Nguyễn T.Tr là người có nghĩa vụ thi hành án. Căn nhà và đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nguyên là căn nhà số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé có nguồn gốc của ông Võ V.L, cho con gái là bà Nguyễn Th.A từ năm 1966. Trước khi xuất cảnh định cư tại Pháp, bà Th.A đã tặng cho hợp pháp căn nhà này cho bà Võ Thị Th.T. Việc bà X là em của bà T khởi kiện tranh chấp căn nhà này chỉ nhằm mục đích giúp bà T trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với bà Th.

Ngày 04/8/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-P9, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Th. Căn cứ kháng nghị nêu ra là: Căn nhà và đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) Cô Bắc, khu

phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nguyên là căn nhà số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé có nguồn gốc của cụ Võ V.L và cụ Nguyễn Th.H. Tại tờ khai nhà đất năm 1980, cụ L xác định đã cho căn nhà này cho con gái là bà Nguyễn Th.A từ năm 1966. Trước khi xuất cảnh định cư tại Pháp, bà Ân đã tặng cho căn nhà này cho bà Võ Thị Th.T vào ngày 31/01/1983, có xác nhận của chính quyền các cấp. Do đó, bà Th.A đã chấm dứt quyền sở hữu của mình từ năm 1983 và bà T đã xác lập sở hữu của mình đối với căn nhà này theo quy định tại các Điều 236, 239 Bộ luật dân sự 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu theo phía nguyên đơn vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

Ông Ngô Nh là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Ng.Th không thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo; giữ nguyên các căn cứ kháng cáo và yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa không thay đổi, bổ sung quyết định kháng nghị, giữ nguyên các căn cứ kháng nghị, yêu cầu kháng nghị mà Quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-P9, ngày 04/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã nêu.

Trong phần tranh luận, ông Ngô Nh giữ nguyên các căn cứ kháng cáo, yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo của bà Th đã nêu và không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng.Th và quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-P9, ngày 04/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương làm trong hạn luật định và hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Căn nhà và đất tọa lạc tại số 18 (số cũ 3/13) Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nguyên là căn nhà số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé có nguồn gốc của cụ Võ V.L và cụ Nguyễn Th.H. Tại tờ khai nhà đất năm 1980, cụ L xác định đã cho căn nhà này cho con gái là bà Nguyễn Th.A từ năm 1966. Trước khi xuất cảnh định cư tại Pháp, bà Th.A đã tặng cho căn nhà này cho bà Võ Thị Th.T vào ngày 31/01/1983, có xác nhận của chính quyền các cấp. Do đó, bà Ân đã chấm dứt quyền sở hữu của mình từ năm 1983 và bà T đã xác lập sở hữu của mình đối với căn nhà này. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, không chấp nhận yêu cầu của bà Th là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Th. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và kháng cáo của bà Th, sửa bản án sơ thẩm theo nhận định nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng.Th và Quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-P9, ngày 04/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương làm trong hạn luật định và hợp lệ nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Tất cả các đương sự đều thừa nhận, căn nhà và đất toạ lạc tại số 18 (số cũ 3/13) Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nguyên là căn nhà số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé có nguồn gốc của cụ Võ V.L (sinh năm 1910, chết năm 1990) và cụ Nguyễn Th.H (sinh năm 1918, chết năm 2003) tạo lập. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Tại “Tờ khai nhà” lập ngày 10/7/1980, có xác nhận của chính quyền địa phương (bút lục số 22), cụ L xác định đã tặng cho căn nhà số 34/2 cho vợ chồng bà Nguyễn Th.A và 04 người con của bà Th.A từ năm 1966. Do đó, bà Th.A đã là chủ sở hữu của căn nhà này kể từ ngày 10/7/1980.

[2.3] Tại “Giấy ủy quyền” của bà Nguyễn Th.A lập ngày 31/01/1983 (bút lục số 07-08) thể hiện: Trước khi xuất cảnh định cư tại Pháp, ngày 31/01/1983, bà Ân đã lập giấy ủy quyền cho bà Võ Thị Th.T “được trọn quyền làm sở hữu vĩnh viễn, kể cả việc sang nhượng nếu cần”. Giấy ủy quyền này được Tổ trưởng tổ 13, Công an ấp Bình Minh, Trưởng Công an xã An Bình, Văn phòng UBND và UBND huyện Thuận An ký chứng thực. Đặc biệt trong phần xác nhận của UBND huyện Thuận An ghi rõ “...UBND huyện Thuận An chấp thuận cho phép bà Nguyễn Th.A ngụ tại số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình ủy quyền sở hữu chủ nhà ở và tư liệu sinh hoạt cho em là Võ Thị Th.T ngụ cùng chung hộ. Đương sự phải đóng thuế trước bạ sang tên làm chủ theo luật lệ hiện hành”. Như vậy, việc chuyển quyền sở hữu căn nhà 34/2 từ bà Ân sang bà T là hợp pháp, kể từ ngày UBND huyện Thuận An cho phép. Đây là trường hợp ủy quyền sở hữu vĩnh viễn, là trường hợp được tặng cho quyền sở hữu nhà ở, không thuộc trường hợp ủy quyền quản lý nhà ở giữa cá nhân với cá nhân, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và hướng dẫn tại Công văn số 91/TANDTC-KHXX ngày 28/6/2011 của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, bà T đã xác lập sở hữu của mình đối với căn nhà 34/2 kể từ ngày được bà Ân tặng cho hợp pháp.

[2.3] Việc bà Th.A đơn phương lập văn bản hủy bỏ giấy ủy quyền vào ngày 01/8/2016 (được Đại sứ quán nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hoà Pháp công chứng số 452./LS/CC/16 ngày 01/8/2016) là không có giá trị pháp lý.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu theo nguyên đơn, mà không căn cứ vào các chứng cứ được phân tích tại các mục [2.2], [2.3] và [2.4] nêu trên, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Th là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Th. Do đó, kháng cáo của bà Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần phải tính lại án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể như sau:

Bà Võ Thị Ngọc X phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 4513 ngày 09/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Trả cho bà X 2.300.000 (hai triệu ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng.Th 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 2816 ngày 03/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

[4] Về chi phí ủy thác tư pháp và chi phí đo đạc, định giá: Các đương sự tự nguyện nộp và đã nộp xong nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng.Th 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 10735 ngày 10/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng.Th và Quyết định kháng nghị số 24/QĐ/KNPT-P9, ngày 04/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các Điều 37, 104, 105, 152, 195, 196, 201, 220, 232, 235, 264, 266 và 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 236, 239 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Võ Thị N.X. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ng.Th.

Bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị N.X, về việc yêu cầu hủy “Giấy ủy quyền”, do bà Nguyễn Thị Ân lập ngày 31/01/1983, có nội dung cho bà Võ Thị Th.T được trọn quyền sở hữu căn nhà tọa lạc tại số 34/2 ấp Bình Minh, xã An Bình, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé; hiện nay mang số 18 (số cũ 3/13) Cô Bắc, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc X phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 4513 ngày 09/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Trả lại cho bà X 2.300.000 (hai triệu ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng.Th 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 2816 ngày 03/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

[3] Về chi phí ủy thác tư pháp và chi phí đo đạc, định giá: Các đương sự tự nguyện nộp và đã nộp xong nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng.Th 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 10735 ngày 10/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.